

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2019

V/v tranh chấp về thay đổi người  
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và  
tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp

2. Ông Nguyễn Văn Du

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và tranh chấp về cấp dưỡng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Huỳnh P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1983; địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/01/2019). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Hạ L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 49, Khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Đỗ Như Thảo D, sinh năm 1995; địa chỉ: Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/3/2019). (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q – Luật sư Công ty Luật H – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1952;

3.2. Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1958,

Cùng địa chỉ: Tổ 49, Khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Huỳnh P và bà Lê Thị Hạ L kết hôn từ năm 2014. Quá trình chung sống, ông P và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Lan A, sinh ngày 15/8/2016. Năm 2017, ông P và bà L đã giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 482/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo nội dung Quyết định thì bà L được quyền trực tiếp nuôi con, ông P có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cấm đoán, ngăn cản. Tuy nhiên, do bà L đi làm giờ hành chính nên giao con cho cha mẹ của bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nhiều lần ông P đến thăm con nhưng không được cha mẹ bà L đồng ý cho gặp, bà L cũng không hợp tác cho ông P thăm và đưa con đi chơi. Bà L còn chuyển trường cho cháu A (trường do ông P làm thủ tục gửi) nhưng không hỏi ý kiến của ông P. Việc bà L và cha mẹ của bà L là ông Lê Văn N và bà Lê Thị Minh H có hành vi ngăn cản ông P thực hiện việc thăm nom, chở con đi chơi là trái với quy định của pháp luật, trái với các thỏa thuận trong quyết định giải quyết ly hôn. Đồng thời, bản thân bà L làm công việc văn phòng, đi làm giờ hành chính nên thời gian chăm sóc con không nhiều, điều kiện nuôi con không đảm bảo, phải gửi ông bà ngoại trông nom, chăm sóc. Điều kiện chăm sóc con của ông P hiện nay rất tốt, ông P có nhà riêng, có đủ điều kiện nuôi con, hiện ông P đang làm chủ doanh nghiệp (Công ty P) với thu nhập hàng tháng khoảng 300.000.000 đồng.

Do đó, ông P yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Phúc Lan A, sinh ngày 15/8/2016, không yêu cầu bà Lê Thị Hạ L cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu phản tố của bà L về việc yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng thì ông P đồng ý.

*- Bị đơn trình bày:*

Bà L thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, ly hôn, con chung. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà L không đồng ý, với các căn cứ sau:

Thứ nhất, bà L có đủ các điều kiện để thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và đảm bảo quyền lợi về phát triển mọi mặt của con chung nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, cháu Nguyễn Phúc Lan A, sinh ngày 15/8/2016 hiện nay chưa được 36 tháng tuổi và giới tính là nữ nên cần được sự chăm sóc đặc biệt từ người mẹ. Do đó, bà L trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc cháu A sẽ phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, tâm tư, tình cảm của con.

Thứ hai, trong quá trình thực hiện việc thăm nom, chăm sóc con chung, ông P đã có những hành vi ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển lành mạnh của con. Cụ thể, ông P thường đi uống rượu bia cùng bạn bè và đưa con đi cùng. Việc này ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý, nhận thức của con, có thể gây ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển lành mạnh của con, do con đang ở lứa tuổi phát triển mạnh về tư duy, sáng tạo, vận động... Bà L đồng ý để ông P thăm, đưa con đi chơi vào thứ tư hàng tuần nhưng phải về trước 20 giờ để đảm bảo giờ ngủ nghỉ của cháu và đưa đón cháu về nhà ông P vào ngày cuối tuần. Đồng thời, trước khi đến thăm, đón con, ông P phải báo trước cho bà L trong thời gian hợp lý để bà L có thể sắp xếp.

Thứ ba, ông P không thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông P thường đến thăm con vào thời điểm không phù hợp với sinh hoạt của con như thời gian ngủ, nghỉ, ăn uống, làm ảnh hưởng đến đồng hồ sinh học của con, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển về mọi mặt của con, gây khó khăn cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà L.

Thứ tư, ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng ông P làm công việc kinh doanh, thường xuyên vắng nhà, thời gian gần gũi, giáo dục dạy dỗ và chăm sóc con sẽ không được đảm bảo nếu ông P trực tiếp nuôi con. Do đó, bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Bà L có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông P thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Hiện nay, ông P đang làm Tổng giám đốc Công ty P nên có đủ khả năng để cấp dưỡng nuôi con.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N, bà Lê Thị Minh H thống nhất trình bày:*

Ông N và bà H là cha mẹ ruột của bà L. Sau khi bà L ly hôn với ông P thì bà L và con gái là cháu Nguyễn Phúc Lan A về sinh sống cùng nhà với ông N, bà H. Cháu A hiện đang học tại trường mầm non gần nhà, hàng ngày bà L đưa rước cháu đi học. Ông N, bà H có phụ giúp bà L trong việc chăm sóc cháu A.

Ông N, bà H xác định ông P vẫn thường tới nhà để thăm và đón cháu A đi chơi, ông N, bà H cũng rất hợp tác, tạo điều kiện để ông P có thể thăm nom, chăm sóc, đưa cháu đi chơi. Thời gian gần đây, do ông P hay đón cháu đi chơi và về rất trễ làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của cháu, khiến sau khi về cháu hay quấy khóc, không ngủ được, có khi còn bị sốt. Có khi ông P đến đón cháu khi cháu chưa được ăn uống, tắm rửa nên bà L có yêu cầu ông P phải thông báo trước khi đón để bà L có thời gian chuẩn bị cho cháu và yêu cầu ông P đưa cháu về sớm để cháu có thể nghỉ ngơi đúng giờ, tránh tình trạng mệt mỏi để còn đi học vào hôm sau. Tuy nhiên, phía ông P không hợp tác mà có hành vi tức giận, la mắng ông N, bà H khi đến thăm cháu A. Việc ông P cho rằng ông N, bà H có hành vi ngăn cản ông P trong việc thăm nom, chăm sóc cháu A là không đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P thì ông N, bà H không đồng ý. Hiện tại, bà L vẫn đảm bảo các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Công việc của bà L là làm giờ hành chính nên đảm bảo được việc đưa đón con đi học, đảm bảo thời gian để chăm sóc con. Ngoài ra, ông N, bà H cũng có việc làm tạo thu nhập nên có thể hỗ trợ, giúp đỡ thêm để bà L có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn. Ông N, bà H xác định không có yêu cầu gì đối với ông P, bà L trong vụ án này.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N, bà Lê Thị Minh H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm:*

Nguyên đơn cho rằng phía gia đình bà L có hành vi hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung nhưng không có chứng cứ chứng minh là không có cơ sở. Hiện nay ông P có thu nhập cao nhưng không thể chỉ căn cứ vào thu nhập cao hay thấp để quyết định về người được quyền trực tiếp nuôi con. Từ sau khi ly hôn, bà L và gia đình đã chăm sóc cháu A rất tốt. Hiện tại, bà L đang có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đảm bảo được điều kiện nuôi con. Việc bà L yêu cầu ông P báo trước khi thăm nom để có sự chuẩn bị là hoàn toàn hợp lý. Cháu A hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên bà L tiếp tục nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu ông P cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng, ông P cũng đồng ý cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận, yêu cầu phản tố của bị đơn có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh P khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con

sau khi ly hôn đối với bị đơn bà Lê Thị Hạ L. Bà L phản tố yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Đây là quan hệ tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và tranh chấp về cấp dưỡng. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà L đang cư trú tại phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N, bà Lê Thị Minh H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà H.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Ông Nguyễn Huỳnh P và bà Lê Thị Hạ L có một con chung là Nguyễn Phúc Lan A, sinh ngày 15/8/2016. Ông P và bà L đã giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 482/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo đó, bà L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phúc Lan A, sinh ngày 15/8/2016. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông P cho rằng bà L không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên phải gửi ông bà ngoại trông nom, chăm sóc, đồng thời bà L và cha mẹ của bà L có hành vi ngăn cản ông P thực hiện việc thăm nom, chăm sóc con chung là trái với quy định của pháp luật, trái với các thỏa thuận trong quyết định giải quyết ly hôn. Do đó, ông P yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phúc Lan A, sinh ngày 15/8/2016. Xét thấy, ông P cho rằng bà L, ông N, bà H có hành vi cản trở ông P thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con chung nhưng ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bà L, ông N và bà H cũng không thừa nhận việc cản trở đối với ông P. Xét về điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung, hiện tại bà L cư trú tại Tổ 49, Khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương cùng với cha mẹ là ông N và bà H, bà L đang có công việc và thu nhập ổn định tại Công ty N với mức lương trung bình là 10.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, bà L vẫn có đủ các điều kiện để thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và đảm bảo quyền lợi về phát triển mọi mặt của con chung. Do đó, trình bày của nguyên đơn là không có cơ sở. Ngoài ra, cháu Nguyễn Phúc Lan A, sinh ngày 15/8/2016 là con gái, tính đến thời điểm xét xử cháu A mới được 34 tháng tuổi và đang sinh sống cùng bà L. Đồng thời, bà L vẫn có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không đồng ý để ông P nuôi con. Do đó, việc bà L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp, đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm sinh lý và sự phát triển toàn diện của con chung, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh P là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Bà Lê Thị Hạ L yêu cầu ông Nguyễn Huỳnh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phúc Lan A, sinh ngày 15/8/2016 số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Huỳnh P phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và án phí đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn được tòa án chấp nhận với số tiền 600.000 đồng; bà L, ông N, bà H không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh P về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với bị đơn bà Lê Thị Hạ L.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Hạ L đối với nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh P về việc tranh chấp về cấp dưỡng.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Huỳnh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phúc Lan A, sinh ngày 15/8/2016 số tiền 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Huỳnh P phải nộp số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033577 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân

sự thành phố Thủ Dầu Một. Ông P phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CC THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Trung**